

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 9 năm 2024.

“ V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mã Thị Thương Oanh

Bà Hoàng Thị Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Triệu Mùi C**, sinh năm 1987. (Có mặt).

- Bị đơn: **Anh Triệu Quỳ K**, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Đều trú tại: **Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Giữa tôi và anh **Triệu Quỳ K** được gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2004, nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống của hai người ban đầu hạnh phúc,

sau đó giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Triệu Quỳnh K không tu chí làm ăn, thường xuyên say rượu và đánh chửi vợ, bản thân tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Triệu Quỳnh K vẫn không thay đổi. Nay tôi xác định tình cảm giữa hai người không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh Triệu Quỳnh K.

Về con chung, hai chúng tôi có hai người con chung là Triệu Sành Q, sinh ngày 04/01/2004 và Triệu Mùi D, sinh ngày 20/10/2006. Đối với con lớn hiện nay cháu đã trưởng thành, nên tôi không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với cháu, còn cháu nhỏ Triệu Mùi D, sinh ngày 20/10/2006 đang ở cùng với tôi và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho cháu ở cùng với tôi, về phần cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, chúng tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn và biên bản xác minh tại địa phương: Anh Triệu Quỳnh K với chị Triệu Mùi C có tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau từ năm 2004, nhưng chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống của hai người ban đầu hạnh phúc, sau đó giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do anh Triệu Quỳnh K hay uống rượu. Nay chị Triệu Mùi C có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và chị C, tôi không đồng ý.

Về con chung, hai chúng tôi có hai người con chung là Triệu Sành Q, sinh ngày 04/01/2004 và Triệu Mùi D, sinh ngày 20/10/2006. Đối với con lớn hiện nay cháu đã trưởng thành, nên tôi không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với cháu, còn cháu nhỏ Triệu Mùi D, sinh ngày 20/10/2006 ở với ai thì tùy cháu.

Về tài sản chung và nợ chung, chúng tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Do vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải về quan hệ hôn nhân, nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về vấn đề nuôi con chung và các bên đều thống nhất. Theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình đối với trường hợp không có giấy đăng ký kết hôn mà xin Ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung, nên Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.
- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không chấp hành theo các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt

tại phiên tòa, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quây K**.

- Về con chung:

+ Đối với con lớn là cháu **Triệu Sành Q** hiện nay cháu đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết;

+ Đối với cháu nhỏ là cháu **Triệu Mùi D** sinh ngày 20/10/2006, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cho chị **Triệu Mùi C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Triệu Quây K** không phải đóng góp phí tổn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quây K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí chị **Triệu Mùi C** phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quây K** đều có nơi cư trú tại **thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quây K** có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống của hai người ban đầu hạnh phúc, sau đó giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do anh **K** thường xuyên say rượu không làm chủ được bản thân. Nay tình cảm của hai người không còn, nên chị **Triệu Mùi C** yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh **Triệu Quây K**.

Theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình tại khoản 1 Điều 9 có quy định như sau: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Việc hai người chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....” do vậy giữa chị **Triệu Mùi C1** và anh **Triệu Quỳ K** không được pháp luật công nhận là vợ chồng, nay anh chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xem xét theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Hai anh chị có hai người con chung là cháu **Triệu Sành Q**, sinh ngày 04/01/2004 và cháu **Triệu Mùi D**, sinh ngày 20/10/2006, các cháu đều phát triển bình thường. Đối với cháu **Triệu Sành Q**, sinh ngày 04/01/2004 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, nên Tòa án không xem xét giải quyết đối với cháu. Đối với cháu **Triệu Mùi D**, sinh ngày 20/10/2006 hiện nay đang ở cùng với mẹ và nguyện vọng của cháu là được ở cùng mẹ và anh **Triệu Quỳ K** không có nguyện vọng được nuôi con chung, do vậy việc giao con chung là cháu **Triệu Mùi D**, sinh ngày 20/10/2006 cho chị **Triệu Mùi C** chăm sóc và bản thân cháu **Triệu Mùi D** cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho cháu ở cùng với mẹ, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng và để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, thấy rằng yêu cầu của chị **C** là phù hợp với nguyện vọng của cháu **Triệu Mùi D**, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quỳ K** không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quỳ K** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Triệu Mùi C** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 206; Điều 208; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273/Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Triệu Mùi C**:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quỳ K** là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là **Triệu Mùi D**, sinh ngày 20/10/2006 cho chị **Triệu Mùi C** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh **Triệu Quỳ K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quỳ K** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Triệu Mùi C** và anh **Triệu Quỳ K** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Triệu Mùi C** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002301 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị **Triệu Mùi C** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Ba Bê;
- Chi cục THADS huyện Ba Bê;
- Các đương sự;
- UBND xã Hà Hiệu;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Hùng